

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 36

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Miến nấu cua biển, nấm bào ngư, củ sắn, cải bó xôi, hành ngò
- Uống Sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cá lóc chiên sả, nghệ
- Canh chua thịt gà, thơm, cà chua, đậu bắp, bạc hà, me, rau ôm, ngò gai
- Cải caron luộc
Xế: Bánh Pudding trứng sữa
Xế chiều: Cháo thịt băm đậu đỏ, khoai lang, mồng tơi, hành ngò

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	400	3,140	12,560
2	0494	Đường cát	200	3,880	7,760
3	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
4	N0966	Muối Iot	200	740	1,480
5	0004	Gạo tẻ máy	1,800	2,560	46,080
6	0120	Hành lá (hành hoa)	100	5,250	5,250
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,720	4,360
8	0038	Miến dong	300	5,390	16,170
9	0027	Củ sắn (khoai mì)	200	3,050	6,100
10	N0778	Nấm bào ngư	100	12,600	12,600
11	N0810	Thịt cua tươi	300	92,400	277,200
12	0515	Nghệ tươi	50	5,460	2,730
13	N6585	Sả băm	50	3,360	1,680
14	N0793	Cá lóc phi lê (cá quả)	1,800	20,060	361,080
15	0108	Bạc hà (Dọc mùng)	200	4,200	8,400
16	0087	Cà chua	300	7,350	22,050
17	N0765	Đậu bắp	200	7,350	14,700
18	0147	Quả me chua	100	4,940	4,940
19	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	50	6,510	3,255
20	0167	Rau ôm (ngổ)	50	4,830	2,415
21	0226	Khóm (Dứa ta)	500	2,940	14,700
22	N0772	Thịt ức gà	500	12,920	64,600
23	0002	Gạo nếp (loại thường)	300	3,050	9,150
24	N0781	Đậu đỏ	100	8,090	8,090
25	0031	Khoai lang	200	4,730	9,460

26	0163	Rau mồng tơi	100	4,100	4,100
27	N0770	Thịt nạc băm	500	18,800	94,000
28	0457	Sữa bột toàn phần	674.97	20,500	138,369
29	0646	Bánh pudding	1,440	11,800	169,920
Tổng cộng					1,331,999

Tổng tiền thực phẩm	1,331,999
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,331,999
Số dư đầu ngày	-1
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	6,623,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	6,623,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan